

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 03/01/2023

“V/v Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Sĩ Quang.

Ông Vũ Nguyên Đăng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Ngọc Anh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 332/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022, về việc *“Ly hôn, nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 321/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 233/2022/QĐ-ST ngày 16 tháng 12 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị H**, sinh năm 1986

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn TT, xã HD, huyện NGi, tỉnh Hải Dương.

Hiện ở: Đài Bắc (Đài Loan).

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H1**, sinh năm 1981

ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Thôn TT, xã HD, huyện NGi, tỉnh Hải Dương.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan : Ông Phạm Văn H2 và bà Nguyễn Thị Nh;

Địa chỉ: Thôn AR, xã HD, huyện NGi, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị Phạm Thị H, trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Nguyễn Văn H1 được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HTh (nay là xã HD), huyện

NGi, tỉnh Hải Dương vào ngày 02/8/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng sống ly thân từ lâu. Hiện chị đang lao động tự do tại Đài Loan. Do sống xa cách nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt không ai quan tâm đến ai. Anh H1 cũng đã có tình cảm với người phụ nữ khác. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H1.

- Về con chung: Chị và anh H1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Yến Nh1, sinh ngày 11/4/2010. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị. Hiện chị chưa về Việt Nam nên chị ủy quyền bố mẹ chị là ông Phạm Văn H2 và bà Nguyễn Thị Nh thay chị chăm sóc cháu Nh1 cho đến khi chị về nước.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh H1 đều vắng mặt không có lý do.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Phạm Văn H2 và bà Nguyễn Thị Nh nhất trí chăm sóc cháu Nh1 theo đề nghị của chị H.

* Người làm chứng: Tòa án đã làm việc với ông Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Thị L là bố mẹ đẻ anh H1 để xác minh về mâu thuẫn vợ chồng và quan điểm của anh H1 đối với yêu cầu khởi kiện của chị H. Quá trình làm việc: Ông T và bà L đều xác định thời điểm kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng, con chung như chị H trình bày là đúng. Anh H1 hiện đang ở cùng ông bà, anh H1 đã nhận được các văn bản do Tòa án gửi nhưng do anh H1 phải đi làm nên không đến Tòa án làm việc được. Quan điểm anh H1 nhất trí ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của chị H và giao con chung là cháu Nh1 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị. Chị H chưa về nước anh H1 nhất trí để ông bà ngoại chăm sóc cháu Nh1 cho đến khi chị H về nước; Anh H1 và chị H không có tài sản chung, nợ chung; Anh H1 phải đi làm nên xin được vắng mặt tại các buổi làm việc và các phiên tòa do Tòa án mở.

* Kết quả xác minh tại UBND xã HD:

Anh H1 và chị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HTh (nay là xã HD) vào ngày 02/8/2009. Năm 2012, chị H đi Đài Loan và hiện vẫn

đang lao động tại Đài Loan, anh H1 hiện vẫn có hộ khẩu tại địa phương. Vợ chồng chị H, anh H1 có 01 con chung, hiện đang ở cùng ông bà ngoại.

Nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn H1;

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Yến Nh1, sinh ngày 11/4/2010 cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên. Ông Phạm Văn H2 và bà Nguyễn Thị Nh có trách nhiệm chăm sóc cháu Nh1 trong thời gian chị H chưa về nước. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Nguyễn Văn H1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị H;

- Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Phạm Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết ly hôn giữa chị với anh Nguyễn Văn H1. Chị H đang sinh sống và lao động tại Đài Loan, anh H1 hiện cư trú tại huyện NGi, tỉnh Hải Dương. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H1 nhưng anh H1 vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án quyết định xét xử vắng mặt anh H1.

Tại phiên tòa chị H, ông H2 và bà Nh đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H, ông H2, bà Nh.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn H1 được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HTh (nay là xã HD), huyện NGi, tỉnh Hải Dương vào ngày 02/8/2009 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, hai bên không quan tâm đến nhau. Chị H hiện đang sinh sống và lao động tại Đài Loan có đơn xin ly hôn, bản tự khai và ủy quyền cho chị Phạm Thị Y, trú tại: DTr, HD, NGi, Hải Dương nộp cho Tòa án. Theo đề nghị của chị H, Tòa án đã trưng cầu giám định. Tại Kết luận giám định số 36/KL-KTHS ngày 26/11/2022, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hải Dương đã kết luận: Dấu vân tay in trong Đơn xin ly hôn và bản tự khai (đều lập ngày 30/9/2022) đứng tên Phạm Thị H (mẫu cần giám định) với dấu vân tay in trong bản sao Chỉ bản, Giấy CMND số 142127746 đứng tên Phạm Thị H, sinh ngày 17/5/1986, Nơi ĐKKHKT: HTh, NGi, Hải Dương (mẫu so sánh) là của cùng một người. Do vậy, các tài liệu này là hợp pháp. Thông qua gia đình, anh H1 có quan điểm nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị H. Xét thấy: thực tế chị H và anh H1 không chung sống cùng nhau từ nhiều năm và không còn quan tâm đến nhau, mâu thuẫn của chị H và anh H1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị H xin ly hôn anh H1 là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị H và anh H1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Yến Nh1, sinh ngày 11/4/2010. Hiện nay, cháu Nh1 đang ở cùng chị H và ông bà ngoại (là ông H2, bà Nh). Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nh1, ông bà ngoại sẽ hỗ trợ chăm sóc cháu cho đến khi chị về nước.

Xét đề nghị của chị H thì thấy: Hiện nay cháu Nh1 đang ở cùng chị H và ông bà ngoại. Cháu Nh1 có nguyện vọng ở cùng chị H nếu bố mẹ ly hôn. Để ổn định cuộc sống cũng như học tập của con chung, chị H có quan điểm đề nghị được nuôi con chung, anh H1 cũng nhất trí. Quan điểm của chị H và anh H1 là hợp lý và thể hiện việc có trách nhiệm với con cái sau khi ly hôn. Chị H hiện chưa về nước có đề nghị ông H2, bà Nh tiếp tục chăm sóc cháu Nh1 cho đến khi chị về nước, ông H2, bà Nh nhất trí. Do vậy, cần tiếp tục giao con

chung là Nguyễn Yến Nh1 cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, đến khi trưởng thành là phù hợp. Ông Phạm Văn H2, bà Nguyễn Thị Nh có trách nhiệm hỗ trợ chị H chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nh1 cho đến khi chị H về nước. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Nguyễn Văn H1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị H.

Anh H1 được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn H1.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Yến Nh1, sinh ngày 11/4/2010, thời gian kể từ tháng 01/2023 đến khi con chung thành niên. Ông Phạm Văn H2 và bà Nguyễn Thị Nh có trách nhiệm chăm sóc cháu Nh1 trong thời gian chị H chưa về nước. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Nguyễn Văn H1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị H.

Anh Nguyễn Văn H1 được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

AA/2021/0002360 ngày 31/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (Chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí).

[4]. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật; Anh Nguyễn Văn H1, ông Phạm Văn H2, bà Nguyễn Thị Nh vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã HD, huyện NGi, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Hoa